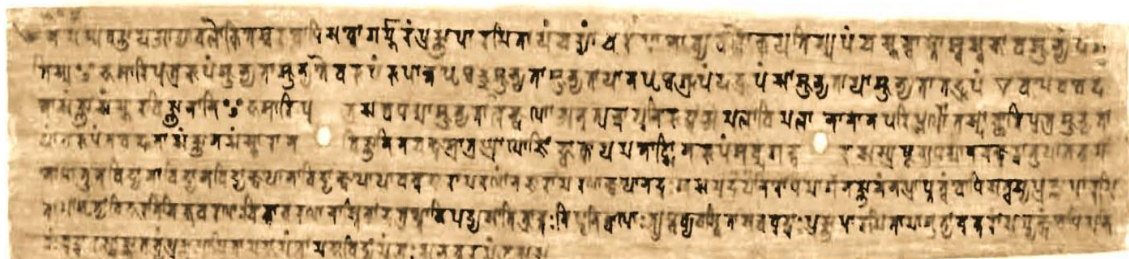
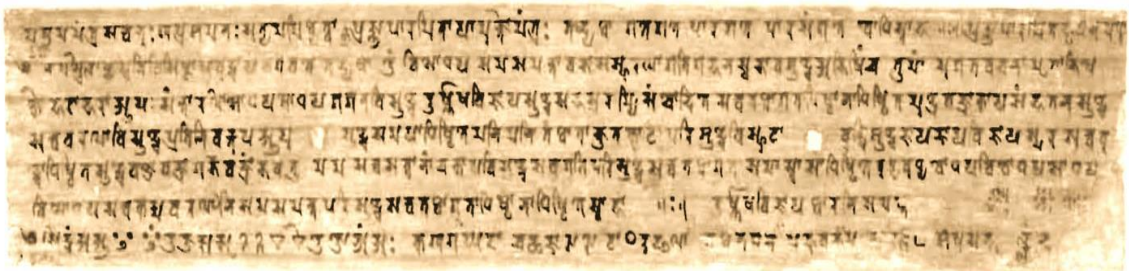


Prajñāpāramitā-Hṛdayam

Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa

Cốt Tủy Của Trí Tuệ Toàn Hảo Siêu Việt Hoàn Toàn Vượt Thoát

Phần Phạn ngữ trong bài dưới đây được dựa trên bản chép tay trên hai phiến lá cọ (hay còn được gọi là lá bối), được xem là bản chép tay cổ nhất tìm được trên thế giới hiện nay, đã được đưa về tự viện Horyu-ji từ **thế kỷ thứ 7** ⁽¹⁾ và hiện được lưu giữ tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Nhật Bản tại Tokyo. Bản Phạn ngữ này đã được chuyển qua âm tự La Tinh bởi Ryosaburo Sakaki, Unrai Ogiwara, Shindo Shiraishi và Shuyu Kanaoka, trích từ tập sách “The Heart Sutra: A Comprehensive Guide to the Classic of Mahayana Buddhism” (Tâm Kinh: Một Hướng Dẫn Đầy Đủ Về Bản Văn Cổ Điển Của Đại Thừa Phật Giáo) của Kazuaki Tanahashi (Boston: Shambhala, 2014). Bản Phạn ngữ này cũng đã được Giáo Sư F. Max Muller và Bunyiu Nanjio (Đại học viện Oxford tại Anh quốc) chuyển qua âm tự La Tinh vào năm 1883 trong tập sách “The Ancient Palm Leaves” (Những Chiếc Lá Cọ Cổ Xưa) (London: Oxford at the Clarendon Press, 1884). Bản ký âm của Giáo Sư Mueller và Nanjio có một số sai biệt về chính tả so với bản ký âm của Ryosaburo Sakaki, Unrai Ogiwara, Shindo Shiraishi và Shuyu Kanaoka. Các phần Phạn ngữ nào không có trong nguyên bản Phạn ngữ trên hai lá cọ đều đã được bỏ vào trong ngoặc [...] trong bài Việt dịch dưới đây. Xin xem thêm ghi chú ở cuối bài về cách diễn dịch trong bản Việt ngữ này và về một số sai biệt giữa bản Phạn ngữ trên hai lá cọ này với các dị bản khác.



Namas sarvajñāya

Cung kính đánh lễ Bậc Toàn Trí [Toàn Giác].

ārya-avalokiteśvaro bodhisattvo

Đấng tôn quý giác hữu tình Quán Tự Tại,

gambhīraṃ prajñāpāramitā caryāṃ caramāṇo

ngay khi thâm nhập Bát Nhã Ba La Mật Đa,

vyavalokayati sma panca-skandhāṃs tāṃś

thông thấu toàn bộ năm uẩn

ca svabhāvaśunyān paśyati sma

và tỏ tường tự thể của năm uẩn là Không.

iha⁽²⁾ śāriputra, rūpaṃ śūnyatā śūnyataiva rūpaṃ

Này Xá Lợi Phất, ngay hiện tiền này, sắc chính là Không, Không chính là sắc,

rūpān na pṛthak śūnyatā, śūnyatāyā na pṛthag rūpaṃ

sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc,

yad rūpāṃ sā śūnyatā ya śūnyatā tad rūpāṃ

cái gì là sắc, cái đó chính là Không; cái gì là Không, cái đó chính là sắc,

evam eva vedanā-samjñā-saṃskāra-vijñāni

thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế.

iha⁽²⁾ śāriputra, sarvadharmāḥ śūnyatālakṣaṇā⁽³⁾

Này Xá Lợi Phất, ngay hiện tiền này, tất cả các pháp đều hiển lộ từ Không Tướng,

anutpannā aniruddhā⁽⁴⁾ amalāvimalā⁽⁵⁾ (6) nona na paripūrṇāḥ⁽⁷⁾

không sanh, không diệt, không nhớ, không nhiễm, viên mãn tròn đầy.⁽⁸⁾

tasmāc chāriputra śūnyatāyāṃ

Cho nên, Xá Lợi Phất, trong Không Tướng ấy,

na rūpaṃ na vedanā na samjñā na saṃskārāḥ na vijñāni

Bát Nhã Tâm Kinh từ Phạn qua Việt (Phiên bản lá cọ Horyu-ji và đối chiếu các dị bản) - Bản hoàn thiện 8/8/2019

không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức,

na cakṣuḥ-śrotra-ghrāna-jihvā-kāya-manāmsi

không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý,

**na rūpa-śabda-gandha-rasa- spraṣṭavya-
dharmāḥ**

không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;

na cakṣūr-dhātur-yāvan na mano-vijñāna-dhātuḥ ⁽⁹⁾

không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới;

na vidyā nāvidyā ⁽¹⁰⁾ **na vidyākṣayo nāvidyākṣayo**

không có tri thức, không có vô minh, không có đoạn tận tri thức,
cũng không có đoạn tận vô minh,

yāvan na jarā-maraṇaṃ na jarā-maraṇa-kṣayo

cho đến không có già chết và cũng không có đoạn tận già chết;

na duḥkha-samudaya-nirodha-mārgā

không có khổ, tập, diệt, đạo;

na jñānam na prāptir ⁽¹¹⁾

không có trí và không có chứng đắc.

tasmāc bodhisattvasya ⁽¹²⁾

Cho nên, bậc giác hữu tình

prajñāpāramitām āśritya viharaty ⁽¹³⁾ **a-cittāvaraṇaḥ**

Y Như Bát Nhã Ba La Mật Đa, Hiện Hiện An Nhiên, tâm không ngăn ngại.

cittāvaraṇa-nāstitvād atraastro

Do tâm không ngăn ngại nên không sợ hãi,

viparyāsātikrāntaḥ niṣṭhā-nirvāṇaḥ

vượt thoát mê lầm ảo tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn.

tryadhvavyavasthitāḥ sarva-buddhāḥ

Bát Nhã Tâm Kinh từ Phạn qua Việt (Phiên bản lá cọ Horyu-ji và đối chiếu các dị bản) - Bản hoàn thiện 8/8/2019

Hết thấy chư Phật trong ba thời

prajñāpāramitām āśritya⁽¹⁴⁾

thường Hiện Hiện Bát Nhã Ba La Mật Đa,

anuttarām samyaksambodhim abhisambuddhāḥ

đạt được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

tasmā jñātavyam: prajñāpāramitā mahā-mantra⁽¹⁵⁾

Vì vậy, nên biết: Bát Nhã Ba La Mật Đa là trí tuệ lớn,

mahā-vidyā⁽¹⁶⁾ **mantraḥ**⁽¹⁷⁾ **anuttara-mantraḥ**⁽¹⁷⁾ **asamasama-**
mantraḥ⁽¹⁷⁾

là trí tuệ của đại giác, là trí tuệ vô thượng, là trí tuệ vô song,

sarva-duḥkha praśamaṇaḥ satyam amithyatvāt

vượt thoát hết thấy mê lầm khổ não, chân thật không hư dối.

prajñāpāramitāyām ukto mantraḥ⁽¹⁸⁾ **tadyathā:**

Cho nên thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chính là Hiện Hiện cảnh giới chân thật:

gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāhā⁽¹⁹⁾

(ga tê, ga tê, pa ra ga tê, pa ra sam ga tê, bô đi, xoa ha)

Vượt rồi, vượt rồi, vượt thoát rồi, hoàn toàn vượt thoát rồi, giác ngộ viên mãn, ta bà ha.

iti prajñāpāramitāyām hṛdayam samāptaṃ.

Tinh túy Bát Nhã Ba La Mật Đa kết thúc ở đây.



Theo lời chỉ dạy của Ân Sư, bài Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa đã được Milam Sudhana kính cẩn chuyển từ Phạn ngữ qua Việt ngữ dựa trên phiên bản lá cọ Horyu-ji (đối chiếu với các dị bản Phạn-Anh). Bản Việt ngữ do Tỳ Kheo Thích Tuệ Hải hiệu đính và hoàn thiện vào ngày 8/8/2019. Xin xem ghi chú ở các trang sau liên quan đến các định nghĩa và các dị bản của Bát Nhã Tâm Kinh.

Ghi chú liên quan đến các định nghĩa và các dị bản của Bát Nhã Tâm Kinh:

- (1) G. Buhler, một chuyên gia người Đức trong ngành cổ tự học, có viết trong “*Những Chiếc Lá Cọ Cổ Xưa*” (Lon-don: Oxford at the Clarendon Press, 1884) rằng phiên bản lá cọ (hay lá bói) có chép bài Tâm Kinh ngắn này (gọi là phiên bản Horyu-ji) được thực hiện vào khoảng thế kỷ thứ 6 và đã được đưa từ Trung Hoa về tự viện Horyu-ji vào năm 609 CN tức đầu thế kỷ thứ 7. Người ta cho rằng phiên bản lá cọ này khởi đầu đã được Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem từ Ấn Độ qua Trung Hoa vào khoảng năm 520 CN và sau đó được một nhà sư tên Yashi cất giữ cho đến khi nhà sư lìa đời vào năm 577 CN. Bản Tâm Kinh bằng Phạn ngữ này đã được chép bằng loại cổ tự thời Gupta. Hai chiếc lỗ ở trên mỗi trang lá cọ được dùng để xỏ giấy vào để kết các trang lá lại thành một tập. Theo Tana-hashii (Boston: Shambhala, 2014) thì dựa vào các cuộc khảo cứu của G. Buhler và Ryusho Hikata sau này thì rất có thể nguyên bản lá cọ này đã ra đời vào khoảng đầu cho đến giữa thế kỷ thứ 8.
- (2) Nghĩa của từ **iha** là ở đây, tại đây, ngay đây, tại địa điểm này, trong thế giới này. Cũng còn có nghĩa là bây giờ, hiện tại, vào ngay thời điểm này. Bản Việt dịch sử dụng cụm từ “ngay hiện tiền này” để chỉ khoảnh khắc hiện tiền hiện hữu không trước không sau.
- (3) Theo ngữ pháp Phạn, từ **sūnyatālakṣaṇā** là một từ ghép và có chữ **ā** ở cuối chữ **sūnyatā** (Không). Từ này là một từ theo tính nữ nên từ liên kết sau đó có thể có hai nghĩa, hoặc là **sūnyatā + lakṣaṇā** (Không + tướng) hoặc là **sūnyatā + alakṣaṇā** (Không + phi tướng, không có đặc tánh) tùy theo nội dung và cách diễn giải. Các phiên bản theo truyền thống Tây Tạng, chẳng hạn Hội Pháp Hửu Gyalwa Karmapa (www.dharmafellowship.org) và dịch giả Geshe Thupten Jinpa trong tập sách “*Essence of the Heart Sutra*” (Boston: Wisdom Publications, 2005) đều đã dịch qua Anh ngữ theo nghĩa “Không + không có đặc tánh.” Nếu để ý cụm từ ghép **sūnyatālakṣaṇā** như trong bản lá cọ thì dựa trên ngữ pháp Phạn sẽ có hai cách hiểu: một, có thể dịch là “tướng Không” như cách hiểu và dịch trong quá khứ; hoặc hai, có thể dịch là “vắng bật mọi tướng” (đồng nghĩa với “Không Tướng”) như trong bản dịch này. “Không Tướng” ở đây là thật tướng của các pháp, là không có tướng có và cũng không có tướng Không, là hiện tiền hiện hữu chân thực. Còn nếu tách cụm từ này thành **sūnyatā-[alakṣaṇā]** thì có thể dịch là vạn pháp là “Không [và phi tướng.]”

iha śāriputra sarvadharmāḥ sūnyatālakṣaṇā

Này Xá Lợi Phát, ngay đây tất cả các pháp đều hiển lộ từ Không Tướng

- (4) Các nghĩa bổ sung của từ **aniruddhā**: không dừng, không ú trệ, thông lưu không thể làm cho ngưng lại được, thông lưu không gì ngăn trở, tự do, không thể kiềm hãm, càng cường tự theo ý mình.
- (5) Phiên bản lá cọ Horyu-ji và phiên bản của đại học viện Oxford đều chép từ **amalāvimalā** ghép lại với nhau thành một. Bản của Đại học viện Oxford dịch qua Anh ngữ là “không nhớ, không tịnh.” Nhưng phiên bản dài do Vaidya, PL. hiệu đính trích trong *Nhiếp Đại Thừa Kinh (Mahāyāna-sūtra-saṃgraha-haḥ/Digital Sanskrit Buddhist Canon)* thuộc Đại học viện University of the West đã được Eng Jin Ooi dịch (2017) và chú giải qua Anh ngữ, và phiên bản đã được hiệu đính (Appendices: Re-cension B) do Johnathan Silk dịch theo truyền thống Tây Tạng (Wien: Univer-sität Wien, 1994) thì từ ghép này đã được tách ra theo nghĩa **amalā** (trong sạch, không nhớ) + **vimalā** (trong sạch, không nhiễm), thay vì theo nghĩa **amalā** (không nhớ) + **avimalā** (không sạch) như trong các phiên bản Hán văn trước đây.
- (6) Các nghĩa bổ sung của từ **amalā**: không nhớ, trong sạch, thanh khiết, trong sạch nhất, pha lê, chói sáng. Các nghĩa bổ sung của từ **vimalā**: không nhớ, trong sạch, vô cấu, không nhiễm, bất nhiễm. Xin xem thêm các chú thích (5) và (8).

- (7) Các nghĩa bổ sung của từ **nona** (hoặc **nunā** hoặc **nonā** hoặc **anunā**): không thiếu, không khuyết, không bị thiếu sót. Trong quá khứ còn được dịch là không bớt hoặc không giảm. Các nghĩa bổ sung của cụm từ **na paripūrṇāh** hoặc **aparipūrṇāh**: không đủ, không trọn, không hoàn toàn, không hoàn tất, không viên toàn. Trong quá khứ còn được dịch là không thêm hoặc không tăng. Một cụm từ đồng nghĩa khác cũng được các dị bản sử dụng là **asampūrṇāh**. Đặc biệt cụm từ **nona na paripūrṇāh** (nghĩa đen: không thiếu, không đủ) đã được diễn dịch là “viên mãn tròn đầy” trong bản Việt dịch này, chủ yếu để thống nhất toàn bộ các ý từ mô tả về “tất cả các pháp” thay vì chỉ để mô tả “tướng Không.” Xin xem thêm chú thích (8).
- (8) Nếu dựa theo các nghĩa bổ sung như trong các chú thích (4), (5), (6) và (7), và nếu sử dụng cách tách từ ghép **amalāvimalā** thành **amalā** (trong sạch, không nhơ) + **vimalā** (trong sạch, không nhiễm) thì câu này cũng có thể được diễn dịch theo chiều khẳng định để mô tả “tất cả các pháp” (thay vì theo chiều phủ định chỉ để mô tả “tướng Không”).

anutpannā aniruddhā ⁽⁴⁾ **amalā** ⁽⁵⁾ **vimalā** ⁽⁶⁾ **nona na paripūrṇāh** ⁽⁷⁾

bất sanh, thông lưu không gì ngăn trở, thanh khiết chói sáng, bất nhiễm, viên mãn tròn đầy [hoặc] bất sanh, không ngừng dứt, thông lưu không ú trệ, thanh khiết chói sáng, bất nhiễm, viên mãn tròn đầy.

- (9) Phiên bản lá cọ của tự viện Horyu-ji và của đại học viện Oxford không có các cụm từ **mano-dhāturna dharma-dhāturna** (ý giới - pháp giới) trong câu này. Các phiên bản dài như phiên bản do Vaidya, PL. hiệu đính trích trong *Nhiếp Đại Thừa Kinh (Mahāyāna-sūtra-saṃgrahaḥ-Digital Sanskrit Buddhist Canon)* và do Eng Jin Ooi dịch (2017), cũng như phiên bản dài theo truyền thống Tây Tạng do Johnathan Silk dịch (Wien: Universität Wien, 1994) đều có thêm các cụm từ này.

na cakṣūr-dhātur-yāvan na [mano-dhāturna dharma-dhāturna] mano-vijñāna dhātuḥ

không có nhãn giới, [không có ý giới, không có pháp giới], cho đến không có ý thức giới

- (10) Phiên bản lá cọ của tự viện Horyu-ji và của Đại học viện Oxford, khác với bản Hán tự, có thêm phần viết về **vidyā** trong đoạn dạy về “vô minh.” Định nghĩa của **vidyā**: hiểu biết, hiểu biết chân chính, hiểu biết tâm linh, sự học hiểu, tri thức, kiến thức, minh triết, triết lý, và có thêm nghĩa bổ sung là huyền thuật, linh chú, linh dược. Có một nghĩa bổ sung khác của từ **vidyā** theo thuật ngữ chuyên môn trong Phật giáo Sơ thời là: trí giác không đối đãi phân biệt, sự rõ biết không đối đãi, và nghĩa bổ sung của từ **nāvidyā** là ngu muội, dốt nát, thiếu hiểu biết.

- (11) Phiên bản lá cọ của tự viện Horyu-ji và của đại học viện Oxford không có cụm từ **na aprāptiḥ** (không có không-chứng-đắc). Phiên bản dài do Vaidya, PL. hiệu đính trích trong *Nhiếp Đại Thừa Kinh (Mahāyāna-sūtra-saṃgrahaḥ-Digital Sanskrit Buddhist Canon)*, phiên bản của Edward Conze dịch (1961) và dị bản theo truyền thống Tây Tạng do Johnathan Silk dịch theo truyền thống Tây Tạng (Wien: Universität Wien, 1994) đều có thêm phần “không có không-chứng-đắc.”

na jñānam na prāptir [na aprāptiḥ]

không có trí, không có đắc [và cũng không có không-chứng-đắc]

- (12) Phiên bản lá cọ của tự viện Horyu-ji và của Đại học viện Oxford không có cụm từ **aprāptivād** (vô sở đắc, vô đắc, không thủ đắc) trong câu này. Một số phiên bản theo Hán tự, phiên bản dài do Vaidya, PL. hiệu đính trích trong *Nhiếp Đại Thừa Kinh (Mahāyāna-sūtra-saṃgrahaḥ-Digital Sanskrit Buddhist Canon)*, phiên bản của Edward Conze dịch (1961) và phiên bản dài do Johnathan Silk dịch (1994) đều có thêm cụm từ này.

- (13) Từ **āsṛitya** theo nghĩa gốc là nương tựa, nương theo, dựa vào, y theo. Ở đây được diễn dịch là “Y Như,” là sự tan biến trọn vẹn thành Bát Nhã. Từ **viharaty (viharati)** theo nghĩa gốc là trú ngụ, an trú, trú một cách yên ổn. Ở đây được diễn dịch là “Hiển Hiện An Nhiên” tức là trí Bát nhã luôn luôn lộ lộ tròn đầy, là thực tại hiện tiền hiện hữu. An nhiên là an ổn, an định, an lạc, thanh tịnh tự nhiên tỏa sáng, vượt ngoài sự động khởi của tâm thức, không phải do công phu mà được. Đây là tính chất thật của Bát Nhã.
- (14) Từ **āsṛitya** theo nghĩa gốc là nương tựa, nương theo, dựa vào, y theo. Ở đây được diễn dịch là “Hiển Hiện,” tức là ngay nơi hiện tiền này, trí Bát nhã luôn luôn lộ lộ tròn đầy thực tại hiện tiền hiện hữu.
- (15) Từ **mantra** trước đây thường được dịch là chú ngữ, chân ngôn, linh chú, mật chú, v.v. Nghĩa Phạn gốc của từ này còn là một bản văn thiêng liêng, một lời huấn dụ, một lời khuyên dạy, một lời chân thật... Trong bản Việt dịch này, từ “trí tuệ” được sử dụng thay cho từ gốc vì ở đây đang muốn nhắc đến trí tuệ thậm thâm vượt thoát mọi mê lầm khổ não, là tinh túy của bản văn thiêng liêng này.
- (16) Xin xem chú thích (10) về ý nghĩa của từ **vidyā**. Đặc biệt trong câu này, từ này được định nghĩa theo thuật ngữ của Phật giáo Sơ thời, tức là trí giác bình đẳng vô phân biệt, lại thêm có chữ **mahā** (lớn, vĩ đại) đi kèm, nên **mahā-vidyā** ở đây được diễn dịch là “đại trí giác” hay “đại giác” để chỉ cảnh giới giác ngộ vượt thoát mọi mê lầm khổ não, là tinh túy của bản văn thiêng liêng này.
- (17) Từ **mantraḥ** trước đây thường được dịch là chú, chân ngôn, linh chú, mật chú, v.v. Nghĩa Phạn gốc của từ này còn là một bản văn thiêng liêng, một lời chân thật, một bài tán tụng, một lời huấn dụ, một lời khuyên dạy... và cũng còn có nghĩa là một phương tiện để chuyển hóa và an phục được tâm. Đây chính là lời chân thật với ý nghĩa sâu xa huyền nhiệm làm hiển lộ chân như, Phật tánh. Trong bản Việt dịch này, từ “trí tuệ” được sử dụng thay cho từ gốc vì ở đây đang muốn nhắc đến trí tuệ thậm thâm vượt thoát mọi mê lầm khổ não, là tinh túy của bản văn thiêng liêng này.
- (18) Xin xem chú thích (17) về ý nghĩa của từ **mantraḥ**. Đặc biệt **mantraḥ** được xem là lời chân thật với ý nghĩa sâu xa huyền nhiệm làm hiển lộ chân như, Phật tánh. Trong câu này của bản Việt dịch, từ “Hiển Hiện cảnh giới chân thật” được sử dụng thay cho từ gốc vì ở đây đang muốn nhắc đến cảnh giới giác ngộ vượt thoát mọi mê lầm khổ não, là cảnh giới chân thật của Bát Nhã và pháp giới toàn chân, là tinh túy của bản văn thiêng liêng này.
- (19) Từ **svāhā** (âm Phạn: xoa ha; âm Việt: ta bà ha, tát bà ha) là một từ biểu cảm, biểu lộ sự vui mừng tán thán.

* **Nguồn tham khảo:** Các định nghĩa và các dị bản Phạn ngữ đã được đối chiếu dựa trên các tập sách và các bài dịch Phạn-Anh của các tác giả (Tanahashi, Muller và Nanjio, Conze, Jinpa, Vaidya, Silk, Ooi và Hội Pháp Hữu Gyalwa Karmapa) như đã trích dẫn ở trên; các trang tự điển Phạn-Anh: www.wisdomlib.org, www.sanskritdictionary.com, <https://sanskrit.inria.fr/DICO/index.en.html>, trang Digital Sanskrit Buddhist Canon (www.dsbcproject.org); các bài dịch Phạn-Anh của Theosophical University Press, Dr. Michael E. Moriarty, Anandajoti Bikkhu, Red Pine, Attwood; các bài tham cứu Phạn-Hoa-Anh của Jayarava; sự hỗ trợ về Phạn ngữ của quý Thầy Đối Pháp, quý Sư Cô Truyền Phương và Đức Ân, và đặc biệt là của Eng Jin Ooi thuộc Đại Học Mahidol, Cao Đẳng Phật Học chuyên ngành Phạn-Pali (www.academia.edu) đã tận tình giải thích về cú pháp Phạn ngữ và cung cấp thêm tài liệu chuyên sâu. Mọi sai sót là của Milam Sudhana trong khi ghi chép và đối chiếu. Một phiên bản tụng bài Bát Nhã Tâm Kinh bằng tiếng Phạn có thể tìm thấy ở link sau đây: <https://www.youtube.com/watch?v=7ooCodjgkY>.